

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Mai Thị Nhắc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 388/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phùng Thị Ngân E**, sinh năm 1983; Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh B; Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Đường số X, ấp T, thị trấn P huyện T, tỉnh A. (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Phùng Thị Ngân E trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thành hôn năm vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn, huyện M, tỉnh B và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 30/01/2012. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu về cự cãi và đánh đập chị Ngân E. Chị Ngân E đã nhiều lần góp ý nhưng anh T không sửa đổi. Mâu thuẫn trầm trọng anh chị ly thân

từ năm 2015 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ngân E xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Ngân E và anh T có một con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 31/01/2012, hiện đang sống chung với chị Ngân E. Chị Ngân E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Ngân E.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng:* Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo qui định tại điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Ngân E, cụ thể: Chị Phùng Thị Ngân E được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị Ngân E được quyền nuôi con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 31/01/2012, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét, nợ chung: không có nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phùng Thị Ngân E đối với anh Nguyễn Văn T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã Cẩm Sơn, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Phùng Thị Ngân E có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Ngân E, anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Ngân E và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn, huyện M, tỉnh B nên được xE là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Chị Ngân E cho rằng hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Theo chị Ngân E trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu về cãi vã và đánh đập chị Ngân E, chị Ngân E đã góp ý nhưng anh T vẫn không sửa đổi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2015 cho đến nay chị và anh T sống ly thân, anh chị không thể đoàn tụ được. Lời trình bày của chị Ngân E về những nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là phù hợp với lời trình bày của ông Huỳnh Văn Bình là Trưởng ấp Phú Trạch 2, xã Cẩm Sơn, huyện M, tỉnh B là nơi chị Ngân E và anh T sống sau khi thành hôn tại Biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp về hôn nhân và gia đình (Bút lục số 33). Quá trình Tòa án giải quyết thì anh T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh về hôn nhân giữa anh với chị Ngân E và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Ngân E và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngân E và đối với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị Ngân E và anh T có một con chung là Võ Kim Y, sinh ngày 31/01/2012. Cháu Kim Y sống với chị Ngân E từ khi chị và anh T ly thân cho đến nay, khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Y có nguyện vọng được sống cùng chị Ngân E sau khi chị Ngân E và anh T ly hôn, ý kiến của cháu Y là tự nguyện, không ai ép buộc; yêu cầu của chị Ngân E cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y. Chị Ngân E cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu Y cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị Ngân E. Anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Kim Y cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngân E, giao con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 31/01/2012 cho chị Ngân E tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngân E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngân E không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh T về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Ngân E là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Ngân E, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Ngân E được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Chị Phùng Thị Ngân E được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Võ Kim Y, sinh ngày 31/01/2012. Ghi nhận việc chị Phùng Thị Ngân E không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn T lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Phùng Thị Ngân E có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn T.

Vì lợi ích của con chung, chị Phùng Thị Ngân E, anh Nguyễn Văn T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Phùng Thị Ngân E, anh Nguyễn Văn T có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xét.
4. Về án phí: Chị Phùng Thị Ngân E phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị

Ngân E đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0002873 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B là đủ.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự <sup>(2b)</sup> ;
- TAND tỉnh B <sup>(1b)</sup> ;
- VKSND huyện M <sup>(1b)</sup> ;
- Chi cục THADS huyện M <sup>(1b)</sup> ;
- UBND xã Cẩm Sơn <sup>(1b)</sup> ;
- Lưu HS, VP <sup>(2b)</sup> TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Trang**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





